UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 28/TTr-SNN ngày 18 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La *(có Phụ lục về đơn giá bồi thường, hỗ trợ kèm theo).*

Điều 2. Nguyên tắc và phương pháp áp dụng mức giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Về các cây trồng dựa trên kết quả điều tra, khảo sát với các loại đang được trồng phổ biến tại các địa phương trên toàn tỉnh.

2. Về giá bồi thường tính toán dựa trên cơ sở chi phí đầu tư *(cây giống, phân bón, công chăm sóc bảo vệ, thuốc bảo vệ thực vật, năng suất, sản lượng...)* hoặc giá trị kinh tế do cây đó mang lại.

3. Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán bồi thường, hỗ trợ trình UBND huyện, thành phố thẩm định và phê duyệt. Trường hợp tổ chức, cá nhân không cung cấp địa điểm di chuyển thì không được bồi thường về di chuyển.

4. Đối với cây trồng: Thực hiện bồi thường theo cây hoặc theo m^2 (ha) cây trồng. Tổng chi phí bồi thường trên một đơn vị diện tích có trồng xen nhiều loại cây khác nhau bằng (=) chi phí bồi thường của từng loại cây trồng cộng lại *(trên cơ sở số lượng và đơn giá của từng loại cây theo đo đếm, kiểm tra hiện trạng thực tế).*

5. Không bồi thường, hỗ trợ cây trồng phát sinh sau thời điểm thông báo thu hồi đất.

6. Việc bồi thường trên nguyên tắc thống kê thực tế số lượng đang trồng trên diện tích đất thu hồi tại thời điểm tổ chức kiểm kê và đối với cây trồng lâu năm phải được chủ sở hữu bảo vệ cho đến khi thanh toán tiền, bàn giao mặt bằng mới được chặt hạ hoặc di chuyển.

7. Đối với một số loại cây trồng đã cho thu hoạch nhưng tại thời điểm kiểm kê các hộ gia đình đã thực hiện một số biện pháp phục hồi như cưa đốn, cưa cành để chiết ghép thì áp dụng như sau:

a) Đối với cây ăn quả áp dụng theo đơn giá cây tính từ thời điểm thực tế năm trồng *(theo tuổi cây cho thu hoạch trước khi cưa cành, chiết ghép).*

b) Đối với cây cà phê áp dụng theo đơn giá cây tính từ thời điểm thực tế năm trồng *(theo tuổi cây trước khi cưa đốn, chăm sóc phục hồi).*

8. Đối với cây ăn quả đã cưa thân, cành và thực hiện chiết, ghép thì áp dụng đơn giá bồi thường tính theo thời điểm năm trồng *(theo tuổi cây trước khi cưa cành chiết, ghép).*

9. Đối với cây mọc hoang dại nhưng có sự chăm sóc, bảo vệ thì tính bồi thường 30% cây cùng loại hoặc cây có giá trị tương đương.

10. Đối với những cây trồng, cây giống có bầu vận chuyển được thì hỗ trợ cước vận chuyển và các chi phí phát sinh do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán bồi thường, hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt; còn cây trồng, cây giống không di chuyển được thì thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Đối với việc áp dụng bồi thường, hỗ trợ cho cây giống chỉ áp dụng đối với các diện tích được công nhận là vườn ươm; các diện tích được phép sản xuất, kinh doanh cây giống theo quy định hoặc số lượng cây có hợp đồng mua bán cây giống. Trường hợp tổ chức, cá nhân không cung cấp địa điểm di chuyển thì không được bồi thường về di chuyển.

11. Trường hợp bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu không nằm trong quy định tại Quyết định này thực hiện theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và thay thế Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu, máy móc nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh đơn giá theo Quyết định này.

3. Các dự án, hạng mục chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì thực hiện tính toán và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 50b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục:

ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ CÂY CỐI, HOA MÀU KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La).

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
I	**CÂY LƯƠNG THỰC**			
1	Lúa ruộng	Đồng/m^2	4.800	
2	Lúa nương	Đồng/m^2	3.000	
3	Ngô	Đồng/m^2	3.000	
4	Sắn			
-	Sắn giống địa phương	Đồng/m^2	1.700	
-	Sắn giống mới	Đồng/m^2	2.500	
5	Khoai lang	Đồng/m^2	10.200	
6	Khoai sọ	Đồng/m^2	15.000	
7	Khoai tây	Đồng/m^2	16.500	
II	**CÂY THỰC PHẨM**			
1	Lạc	Đồng/m^2	5.500	
2	Vừng	Đồng/m^2	5.600	
3	Đậu tương	Đồng/m^2	4.200	
4	Đậu xanh	Đồng/m^2	4.000	
5	Đậu đen	Đồng/m^2	3.300	
6	Dong riềng	Đồng/m^2	3.100	
7	Cây thực phẩm khác	Đồng/m^2	1.500	
III	**CÂY RAU MÀU**			
1	Rau ăn lá	Đồng/m^2	13.600	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
2	Rau lấy quả	Đồng/m^2	16.500	
3	Rau lấy củ hoặc lấy thân	Đồng/m^2	22.700	
4	Hỗ trợ tiền làm giàn cho cây trồng leo (ngoại trừ đậu, đỗ)			
a	Giàn không có cột bê tông			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m^2	4.000	
-	Năm thứ hai	Đồng/m^2	1.000	
b	Giàn có cột bê tông			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m^2	8.000	
-	Năm thứ hai	Đồng/m^2	6.000	
-	Năm thứ ba	Đồng/m^2	4.000	
IV	**ĐỒNG CỎ CHĂN NUÔI BÒ**	**Đồng/m^2**	**4.000**	
V	**CÂY HOA**			
1	Hoa Cúc	Đồng/m^2	6.500	
2	Hoa Lily	Đồng/m^2	45.300	
3	Hoa Lay ơn	Đồng/m^2	23.300	
4	Hoa Hồng			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m^2	26.700	
-	Từ năm thứ hai	Đồng/m^2	36.000	
VI	**CÂY DÂU TẰM**	Đồng/m^2	2.200	
VII	**CÂY BÔNG**	Đồng/m^2	2.300	
VIII	**CÂY DƯỢC LIỆU**			
1	Cây Sa nhân	Đồng/cây	5.000	
		Đồng/m^2	5.100	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
2	Cây Ý dĩ	Đồng/m^2	10.800	
3	Đinh lăng	Đồng/cây	8.800	
4	Ba kích tím	Đồng/cây	9.400	
5	Thìa canh	Đồng/cây	3.900	
6	Giảo cổ lam, Kim ngân, Hương nhu	Đồng/cây	2.900	
7	Thanh hao hoa vàng	Đồng/cây	2.000	
8	Sâm câu	Đồng/cây	9.900	
9	Kim tiền thảo giống	Đồng/cây	700	
10	Tam thất bắc	Đồng/cây	18.200	
11	Tam thất nam	Đồng/khóm	4.700	
12	Nghệ đen	Đồng/khóm	2.200	
13	Ích mẫu	Đồng/cây	700	
14	Ac ti sô (Artichoke)	Đồng/cây	12.100	
15	Hà thủ ô trắng	Đồng/cây	5.800	
16	Hà thủ ô đỏ	Đồng/cây	9.400	
17	Diệp hạ châu, Bông mã đề	Đồng/cây	600	
18	Gối hạc	Đồng/cây	9.400	
19	Hoàng tinh hoa đỏ	Đồng/cây	7.200	
20	Hoàng đằng	Đồng/cây	7.200	
21	Thiên niên kiện	Đồng/cây	3.300	
22	Đỗ trọng	Đồng/cây	5.500	
23	Chè hoa vàng	Đồng/cây	17.600	
24	Bình vôi tím	Đồng/cây	22.000	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
25	Si tứ	Đồng/cây	2.200	
26	Các loại cây dược liệu khác	Đồng/m^2	15.400	
IX	**CÂY MÍA**			
1	**Giống mía mới**			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m^2	4.200	
-	Năm thứ hai	Đồng/m^2	5.000	
-	Năm thứ ba	Đồng/m^2	5.500	
-	Năm thứ tư	Đồng/m^2	5.200	
2	**Giống mía cũ**			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m^2	2.500	
-	Năm thứ hai	Đồng/m^2	3.000	
-	Năm thứ ba	Đồng/m^2	3.500	
-	Năm thứ tư	Đồng/m^2	3.200	
X	**CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM**			
1	**Cây Cà phê**			
a	Cây đang chăm sóc			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m^2	10.400	
		Đồng/cây	20.800	
-	Năm thứ hai	Đồng/m^2	11.900	
		Đồng/cây	23.800	
-	Năm thứ ba	Đồng/m^2	13.800	
		Đồng/cây	27.600	
b	Cây đã cho thu hoạch			

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Cho quả dưới 03 năm	Đồng/m²	22.800	
		Đồng/cây	45.600	
-	Cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/m²	23.800	
		Đồng/cây	47.600	
-	Cho quả từ 05 đến dưới 10 năm	Đồng/m²	25.800	
		Đồng/cây	51.600	
-	Cho quả trên 10 năm	Đồng/m²	23.300	
		Đồng/cây	46.600	
2	**Chè giống nội (Shan, trung du...)**			
a	Cây đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m²	11.100	
		Đồng/cây	6.100	
-	Năm thứ hai	Đồng/m²	12.300	
		Đồng/cây	6.800	
-	Năm thứ ba	Đồng/m²	17.800	
		Đồng/cây	9.900	
b	Cây đang trong thời kỳ kinh doanh			
-	Thu hoạch dưới 03 năm	Đồng/m²	22.300	
		Đồng/cây	12.400	
-	Thu hoạch từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/m²	25.000	
		Đồng/cây	13.900	
-	Thu hoạch từ 5 đến dưới 10 năm	Đồng/m²	31.300	
		Đồng/cây	17.400	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Thu hoạch trên 10 năm	Đồng/m²	29.500	
		Đồng/cây	19.000	
3	**Chè giống ngoại (Kim Tuyên, Bát Tiên, Thúy ngọc...)**			
a	Cây đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản			
-	Năm thứ nhất	Đồng/m²	10.700	
		Đồng/cây	9.000	
-	Năm thứ hai	Đồng/m²	11.900	
		Đồng/cây	11.000	
-	Năm thứ ba	Đồng/m²	17.400	
		Đồng/cây	9.700	
b	Cây đang trong thời kỳ kinh doanh			
-	Thu hoạch dưới 03 năm	Đồng/m²	22.600	
		Đồng/cây	14.500	
-	Thu hoạch từ 03đến dưới 05 năm	Đồng/m²	25.200	
		Đồng/cây	16.000	
-	Thu hoạch từ 05 đến dưới 10 năm	Đồng/m²	30.400	
		Đồng/cây	17.500	
-	Thu hoạch trên 10 năm	Đồng/m²	29.100	
		Đồng/cây	24.000	
4	**Cây cao su**			
-	Cây trồng năm thứ nhất	Đồng/ha	114.837.000	
		Đồng/cây	230.000	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Cây trồng năm thứ hai	Đồng/ha	172.084.000	
		Đồng/cây	344.000	
-	Cây trồng năm thứ ba	Đồng/ha	218.464.000	
		Đồng/cây	437.000	
-	Cây trồng năm thứ tư	Đồng/ha	258.456.000	
		Đồng/cây	517.000	
-	Cây trồng năm thứ năm	Đồng/ha	299.196.000	
		Đồng/cây	598.000	
-	Cây trồng năm thứ sáu	Đồng/ha	339.438.000	
		Đồng/cây	679.000	
-	Cây trồng năm thứ bảy	Đồng/ha	381.271.000	
		Đồng/cây	763.000	
-	Cây trồng năm thứ tám	Đồng/ha	424.787.000	
		Đồng/cây	850.000	
-	Cây cao su từ năm thứ 09	Đồng/ha	446.024.000	
		Đồng/cây	892.000	
-	Cây cao su từ năm thứ 10 đến năm thứ 13	Đồng/ha	451.646.000	
		Đồng/cây	903.000	
-	Cây cao su từ năm thứ 14 đến năm thứ 16	Đồng/ha	471.342.000	
		Đồng/cây	943.000	
-	Cây cao su từ năm thứ 17 đến năm thứ 20	Đồng/ha	485.666.000	
		Đồng/cây	971.000	
XI	**CÂY ĂN QUẢ**			

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	**Nhãn, Vải thiều, Xoài, Bơ, Hồng giòn**			
a	Cây ghép, chiết chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	57.200	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	75.900	
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	100.100	
b	Cây trồng bằng hạt chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến dưới 0,5 m	Đồng/cây	5.500	
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên	Đồng/cây	10.000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	16.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm	Đồng/cây	35.000	
-	Cây trồng từ 04 năm trở lên	Đồng/cây	52.000	
c	Cây đã cho thu hoạch			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	240.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	480.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến dưới 10 năm	Đồng/cây	1.440.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	3.000.000	
d	Nhãn, Hồng giòn, Bơ ghép			
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	530.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến dưới 10 năm	Đồng/cây	1.800.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	3.750.000	
2	**Hồng, Bưởi, Cam, Quýt, Na**			
a	Cây ghép, chiết chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	62.000	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	100.000	
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	123.000	
b	Cây trồng bằng hạt chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến dưới 0,5 m	Đồng/cây	5.000	
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên	Đồng/cây	10.000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	15.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm	Đồng/cây	34.000	
-	Cây trồng từ 04 năm trở lên	Đồng/cây	50.000	
c	Cây đã cho thu hoạch			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	245.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	600.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến 10 năm	Đồng/cây	1.050.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	1.400.000	
3	**Cây Mận, Mơ, Đào**			
a	Cây ghép, chiết chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	45.000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	65.000	
-	Trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	90.000	
b	Cây trồng bằng hạt chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến dưới 0,5 m	Đồng/cây	4.000	
-	Cây trồng dưới 1 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên	Đồng/cây	6.800	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	13.000	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm	Đồng/cây	30.000	
-	Cây trồng từ 04 năm trở lên	Đồng/cây	47.000	
c	Cây đã cho thu hoạch			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	150.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	300.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến 10 năm	Đồng/cây	600.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	1.200.000	
4	**Cây Roi; Me**			
a	Cây chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến dưới 0,5 m	Đồng/cây	5.000	
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên	Đồng/cây	10.000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	16.000	
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	24.000	
b	Cây đã cho thu hoạch			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	80.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	150.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến 10 năm	Đồng/cây	310.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	390.000	
5	**Cây Mít**			
a	Cây ghép chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	75. 000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	108.000	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	125.000	
b	Cây trồng bằng hạt chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến dưới 0,5 m	Đồng/cây	6.000	
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên	Đồng/cây	12.000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	19.200	
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	28.800	
c	Cây đã cho thu hoạch			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	300.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	800.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến 10 năm	Đồng/cây	1.400.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	1.600.000	
6	**Cây Chanh leo**			
-	Chưa ra quả	Đồng/m^2	15.000	
-	Đã có quả chưa thu hoạch	Đồng/m^2	35.000	
7	**Cây Thanh long**			
-	Cây chưa có quả nhưng có thể di chuyển được	Đồng/trụ	25.000	
-	Cây chưa có quả nhưng không thể di chuyển được	Đồng/trụ	45.000	
-	Cây có quả đến 3 năm	Đồng/trụ	100.000	
-	Cây có quả từ 4 - 6 năm	Đồng/trụ	150.000	
-	Cây có quả từ năm thứ 7 trở đi	Đồng/trụ	210.000	
8	**Cây dâu tây**	**Đồng/m^2**	**50.000**	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
9	**Cây dừa**			
-	Cây chưa cho thu hoạch	Đồng/m^2	5.000	
-	Cây đang ra quả chưa cho thu hoạch	Đồng/m^2	8.000	
10	**Cây chuối**			
-	Cây nhỏ *(có thân cây cao cách mặt đất 1 m trở xuống)*	Đồng/cây	8.000	
-	Cây sắp cho quả và cây đã cho ra quả nhưng chưa đến tuổi thu hoạch, thân cây cao từ 1 m trở lên	Đồng/cây	35.000	
11	**Cây đu đủ**			
a	Cây chưa cho thu hoạch *(có thân cây cao cách mặt đất 0,5 m trở xuống)*	Đồng/cây	2.400	
b	Cây chưa cho thu hoạch *(có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên)*	Đồng/cây	8.000	
c	Cây đã cho thu hoạch			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	30.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến 05 năm	Đồng/cây	45.000	
-	Cây cho quả từ trên 05 năm	Đồng/cây	55.000	
12	**Cây chanh; ổi, lựu, khế và các cây khác tương đương**			
a	Cây chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến dưới 0,5 m	Đồng/cây	3.500	
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,5 m trở lên	Đồng/cây	5.000	
-	Cây trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	13.000	
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	22.000	
b	Cây đã cho thu hoạch			

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	55.000	
-	Cây cho quả từ 03 đến dưới 05 năm	Đồng/cây	90.000	
-	Cây cho quả từ 05 đến 10 năm	Đồng/cây	170.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	320.000	
XII	**CÂY TRÁM**			
1	**Cây chưa cho thu hoạch**			
-	Cây trồng dưới 01 năm tuổi	Đồng/cây	50.000	
-	Cây trồng từ 01 đến 02 năm tuổi	Đồng/cây	100.000	
-	Cây trồng từ 02 năm tuổi trở lên	Đồng/cây	150.000	
2	**Cây trồng cho thu hoạch**			
-	Cây trồng cho thu hoạch dưới 03 năm tuổi	Đồng/cây	450.000	
-	Cây trồng cho thu hoạch từ 03 đến dưới 05 năm tuổi	Đồng/cây	780.000	
-	Cây trồng cho thu hoạch từ 05 đến 10 năm tuổi	Đồng/cây	1.100.000	
-	Cây trồng cho thu hoạch trên 10 năm tuổi	Đồng/cây	1.500.000	
XIII	**CÂY LẤY GỖ** *(Gỗ quý hiếm tính từ nhóm I đến nhóm III, Gỗ thường tính từ nhóm IV đến nhóm VIII)*			
1	**Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến 0,4 m**			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	3.200	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	2.500	
2	**Cây trồng dưới 1 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,4 m trở lên**			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	5.300	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	4.200	
3	**Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm**			

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	12.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	8.500	
4	**Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm**			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	29.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	17.000	
5	**Cây trồng từ 04 năm đến khép tán**			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	76.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	42.000	
6	**Cây lấy gỗ có chu vi từ 0,4 m đến 0,5 m** ***(đo cách mặt đất 1,3 m)***			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	155.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	105.000	
7	**Cây lấy gỗ có chu vi lớn hơn 0,5 m đến 0,6 m** ***(đo cách mặt đất 1,3 m)***			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	170.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	120.000	
8	**Cây lấy gỗ có chu vi lớn hơn 0,6 m** ***(đo cách mặt đất 1,3 m)***			
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây	250.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây	180.000	
XIV	**RỪNG TRỒNG THUỘC CÁC DỰ ÁN LÂM NGHIỆP** *(nguồn vốn ngân sách đầu tư toàn bộ chi phí trồng mới hoặc ngân sách đầu tư một phần; chi phí chăm sóc, bảo vệ người trồng rừng trực tiếp đầu tư)*			
1	Bồi thường cho người trực tiếp được giao trồng và chăm sóc bảo vệ rừng			
2	Cây trồng dưới 04 năm *(trong giai đoạn xây dựng cơ bản lâm sinh)* mức đền bù thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định khác của			

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	nhà nước trừ đi số tiền nhà nước đã hỗ trợ trồng rừng			
3	Cây trồng từ năm thứ 04 đến khép tán, cây có chu vi từ 0,4 m trở lên, bồi thường theo mật độ hiện còn tại thời điểm kiểm đếm nhưng không vượt quá mật độ thiết kế ban đầu			
XV	**CÂY TRE**			
1	Cây mới trồng	Đồng/cây	15.000	
2	Cây non, thân cao cách mặt đất từ 3 m đến dưới 5 m, đường kính thân từ 0,05 m đến dưới 0,1 m	Đồng/cây	25.000	
3	Cây già, thân cây cao cách mặt đất từ 5 m trở lên, đường kính thân từ 0,1 m trở lên	Đồng/cây	36.000	
XVI	**CÂY BƯƠNG**			
1	Cây mới trồng	Đồng/cây	22.700	
2	Cây non, thân cao cách mặt đất từ 3 m đến dưới 5 m, đường kính thân từ 0,05 m đến dưới 0,1 m	Đồng/cây	35.000	
3	Cây già, thân cây cao cách mặt đất từ 5 m trở lên, đường kính thân từ 0,1 m trở lên	Đồng/cây	60.000	
XVII	**CÂY MĂNG SẶT VÀ MỘT SỐ CÂY MĂNG CÓ GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐƯƠNG**	Đồng/m^2	25.000	
XVIII	**CÂY QUẾ**			
1	Cây trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	4.500	
2	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm	Đồng/cây	12.000	
3	Cây trồng từ 02 đến 05 năm	Đồng/cây	40.000	
4	Cây trồng trên 05 năm *(có chu vi lớn hơn hoặc bằng 25cm)*	Đồng/cây	95.000	
5	Cây chu vi lớn hơn 0,4 m trở lên	Đồng/cây	160.000	
XIX	**CÂY SƠN TRA**			
1	**Cây chưa cho thu hoạch**			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất nhỏ hơn 0,5m	Đồng/cây	2.100	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
-	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm	Đồng/cây	20.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm	Đồng/cây	35.000	
-	Cây trồng từ 04 năm trở lên	Đồng/cây	50.000	
2	**Cây đã cho thu hoạch**			
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	150.000	
-	Cây cho quả từ 03 năm đến 05 năm	Đồng/cây	250.000	
-	Cây cho quả từ 05 năm đến dưới 10 năm	Đồng/cây	650.000	
-	Cây cho quả trên 10 năm	Đồng/cây	850.000	
XX	**CÂY KHÁC**			
1	**Cây Mắc ca ghép**			
a	Cây chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất nhỏ hơn 0,5m	Đồng/cây	57.000	
-	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm	Đồng/cây	70.000	
-	Cây trồng từ 02 năm trở lên	Đồng/cây	85.000	
b	Cây đã cho thu hoạch	Đồng/cây	150.000	
-	Cây cho quả dưới 03 năm	Đồng/cây	350.000	
-	Cây cho quả từ 03 năm đến 0 5 năm	Đồng/cây	700.000	
-	Cây cho quả từ 05 năm đến dưới 10 năm	Đồng/cây	1.200.000	
2	**Cây gai xanh**	**Đồng/m^2**	**3.000**	
XXI	**HỖ TRỢ CÔNG CHĂM SÓC, BẢO VỆ RỪNG**			
1	Hỗ trợ cho cả thời gian hợp đồng với Nhà nước về chăm sóc bảo vệ rừng. Tiền hỗ trợ = (Tổng số năm được giao chăm sóc, bảo vệ - Tổng số năm đã chăm sóc, bảo vệ)x300.000 đồng/ha/năm.	Đồng/ha/năm	300.000	